

Số: /TB-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI

**Kết quả họp dân thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo,
hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025**

Căn cứ Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐTTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

Căn cứ Kế hoạch số 83/KH-UBND, ngày 07/10/2025 của UBND xã Tứ Kỳ thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 trên địa bàn xã Tứ Kỳ;

Căn cứ kết quả họp dân thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 của 20 thôn trên địa bàn xã; Căn cứ kết quả của Tổ thẩm định, kiểm tra, giám sát kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025;

Nay UBND xã Tứ Kỳ tổ chức niêm yết công khai kết quả họp dân thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 trên địa bàn xã Tứ Kỳ tại trụ sở Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Tứ Kỳ, nhà văn hóa 20 thôn và thông báo trên Đài truyền thanh xã và các thôn. Cụ thể:

TT	Thôn	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (sơ bộ)			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Thôn Tân Quang	539	1768	1	0.19	3	0.56
2	Thôn Nhữ Tĩnh	1154	3647	0	0.00	12	1.04
3	Thôn Vũ Xá	449	1432	0	0.00	7	1.56
4	Thôn Quàn	502	1660	0	0.00	5	1.00
5	Thôn Phúc Lâm	726	2303	1	0.14	11	1.52
6	Thôn Văn Sứ	279	817	0	0.00	9	3.23

TT	Thôn	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (sơ bộ)			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5	6
7	Thôn Vạn Tải	643	2124	1	0.16	9	1.40
8	Thôn Trúc Văn	307	1093	0	0.00	5	1.63
9	Thôn Mép	804	2496	2	0.25	13	1.62
10	Thôn Cự Lộc	759	2454	0	0.00	11	1.45
11	Thôn Thái An	577	1869	2	0.35	7	1.39
12	Thôn Mạc Xá	289	935	0	0.00	2	0.69
13	Thôn An Phòng Giang	548	1854	1	0.18	21	3.83
14	Thôn Bích Đồng	393	1312	2	0.51	12	3.05
15	Thôn Bích Cẩm	282	901	1	0.35	5	1.77
16	Thôn Thị Tứ	337	1222	0	0.00	1	0.30
17	Thôn An Nhân Tây	688	2254	1	0.15	6	0.87
18	Thôn An Nhân Đông	704	2223	3	0.43	16	2.56
19	Thôn La Tĩnh Bắc	573	1888	0	0.00	8	1.40
20	Thôn La Tĩnh Nam	665	2321	1	0.15	4	1.20
	Tổng cộng	11.218	36.573	16	0,14	167	1,49

Có 88 hộ thoát nghèo; 42 hộ thoát cận nghèo.

(Có danh sách kèm theo)

Thời gian niêm yết hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo: 03 ngày làm việc, từ 07 giờ 30 phút ngày 19 tháng 11 năm 2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Trong thời gian niêm yết, đề nghị nhân dân theo dõi nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề nghị gửi bằng văn bản về UBND xã Tứ Kỳ để xem xét giải quyết theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm DV Sự nghiệp công;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Các Trưởng thôn;
- Đảng công TTĐT;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Lăng

